TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Thưởng
2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá.

Ngày 18/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXX-ST ngày 19/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q **- s**inh năm: 1994 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T - sinh năm: 1992 (có mặt)

Cùng địa chỉ: xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Q trình bầy:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã H, thành phố T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, anh T thường xuyên đánh đập chị rất tàn nhẫn. Không chịu đựng được nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Lê Đức L sinh ngày 26/4/2016. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ ở thì cháu L vẫn ở cùng anh T, chị muốn mang con theo vì cháu còn rất nhỏ nhưng anh T không cho chị mang theo, mấy lần chị lên xin gặp con nhưng anh T chửi bới, ngăn cấm. Ly hôn, chị tha thiết đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Lê Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh hoàn toàn không có mặt.

Tại phiên tòa chị Q vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh T và xin được trực tiếp nuôi con, về phần cấp dưỡng chị thay đổi nếu được trực tiếp nuôi con chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tại phiên tòa anh T có mặt và trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh thống nhất như chị Q trình bầy. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do chị Q không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc con và có lời lẽ xúc phạm anh. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với chị Q về số con chung và tên tuổi của con. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 04/5/2017 của xã H, thành phố T (chứng cứ do chị Q cung cấp) thì vợ chồng chị Q anh T quá trình sống chung đã có nhiều lần đánh, cãi nhau. Gia đình, dòng họ, địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[*Về tố tụng*: Tại phiên tòa chị Q và anh T đều có mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án].

[*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản hòa giải ngày 04/5/2017 của địa phương thì thực tế giữa vợ chồng chị Q anh T thường xuyên xảy ra đánh nhau, mất đoàn kết, gia đình, dòng họ, địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình tòa án giải quyết vụ án anh T không có mặt theo giấy triệu tập. Tại phiên tòa anh T có mặt và có ý kiến tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 luật HNGĐ, xử cho chị Q được ly hôn anh T].

[*Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là Lê Đức L sinh ngày 26/4/2016. Chị Q, anh T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng. Yêu cầu của chị Q và anh T đều là chính đáng, nhưng việc giao cháu L cho ai nuôi phải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu và phải phù hợp với quy định của pháp luật. Thấy rằng cháu L đến nay mới hơn 14 tháng tuổi, là độ tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và Gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con hoặc có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Vì vậy, cần

căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật HN và GĐ, giao cháu L cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, việc chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở].

[*Về tài sản:* Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét].

[*Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị Q chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm].

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN và GĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là Lê Đức L sinh ngày 26/4/2016. Giao cháu L cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0007250 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá (chị Q đã nộp đủ án phí).

Chị Q, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Thanh Hóa;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Hà